

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/LĐPT
Ngày: 25-01-2021
V/v Tranh chấp tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Hoàng Dũng**

Bà **Bùi Thị Cẩm Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Mỹ Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà **Nguyễn Ngọc Chúc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLPT-LĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp tiền lương*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2020/QĐPT-LĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh năm: 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 52, khu vực 4, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Trần Thanh P** - Văn phòng luật sư Trần P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

Địa chỉ: 170B đường Trần H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: **Công ty Cổ phần B**

Trụ sở: Số 730, khu vực C, phường D, quận T, thành phố Cần Thơ

Người đại diện pháp luật: Ông **Nguyễn E** – sinh năm: 1979

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Bà **Trần H** – sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Chức vụ: Kế toán công ty

Địa chỉ: Số 680, khu vực 4, phường F, quận C, thành phố Cần Thơ

2/ Bà **Nguyễn Q** – sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 2, phường K, Q. T, thành phố Cần Thơ

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:

Ông là giáo viên dạy nghề với trình độ chuyên môn kỹ thuật xây dựng. Vào tháng 4/2017 ông có ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần B (hợp đồng này ông không giữ mà do công ty đang giữ) với thỏa thuận thuê ông để dạy 05 lớp kỹ thuật sơ cấp nghề kỹ thuật xây dựng (nề) cho lao động nông thôn trong địa bàn thành phố Cần Thơ với thỏa thuận trong hợp đồng lao động công ty phải trả cho ông số tiền công dạy lý thuyết, thực hành được tính 120.000đồng/tiết (giờ) dạy. Quá trình thực hiện hợp đồng từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017 thì chấm dứt và số tiền được tính như sau:

- Lớp nề dạy tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V: Tổng số tiết giảng dạy: 128 giờ x 120.000đồng = 15.360.000đồng

- Lớp nề dạy Ủy ban nhân dân phường D, quận T: Tổng cộng lý thuyết và thực hành: 324 giờ x 120.000đồng = 38.880.000đồng.

- Lớp nề dạy Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th: Tổng cộng lý thuyết và thực hành: 260 giờ x 120.000đồng = 31.200.000đồng

- Lớp nề dạy tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ: Tổng cộng lý thuyết và thực hành: 260 giờ x 120.000đồng = 31.200.000đồng

- Lớp nề dạy tại Ủy ban nhân dân phường P, quận C: Tổng cộng lý thuyết và thực hành: 260 giờ x 120.000đồng = 31.200.000đồng

Ngoài ra, ông còn được công ty thuê giám sát thi công xây dựng tại cơ sở 1 và cơ sở 3 của công ty với thời gian 32 ngày x 300.000đồng/ngày = 9.600.000đồng, cộng với khoản tiền xăng đi lại là 4.500.000đồng (tính theo km/giờ mỗi lượt đi 1.000đồng/km) nhưng chưa thanh toán cho ông. Tổng cộng các khoản tiền lương giảng dạy và tiền giám sát thi công là 161.940.000đồng khấu trừ số tiền ông đã tạm ứng 29.000.000đồng nên công ty cổ phần B còn nợ lại ông số tiền 132.940.000đồng đến nay chưa thanh toán, mặc dù ông nhiều lần yêu cầu nhưng công ty vẫn không trả cho ông đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên các bên phát sinh tranh chấp.

Nay, ông yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lương tổng số tiền 161.940.000đồng khấu trừ số tiền ông đã tạm ứng 29.000.000đồng nên bị đơn còn nợ lại ông số tiền 132.940.000đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty cổ phần B có người đại diện ủy quyền bà Nguyễn Q trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 15/4/2017 nguyên đơn ông Lê Văn L có đến trụ sở của công ty tự xưng là giảng viên Trường trung cấp M. Sau khi trao đổi với ông L, lãnh đạo Công ty giao phòng đào tạo bố trí cho ông L làm giáo viên thỉnh giảng một số môn cho lớp dạy nghề cho lao động nông thôn tại các phường, xã, quận, huyện trong thành phố Cần Thơ với hình thức thỏa thuận miệng nên các bên không có ký kết hợp đồng lao động theo quy định, công ty thỏa thuận với ông L tiền công giảng dạy lý thuyết: 45.000đồng/tiết, thực hành: 35.000đồng/giờ là theo mức chung của giáo viên thỉnh giảng cho các Trường dạy nghề trong địa bàn thành phố Cần Thơ.

Qua sự trao đổi hai bên đã thống nhất nên công ty có quán triệt đây là lớp dạy nghề tại nông thôn, giáo viên hơi vất vả so với học tại trường nên công ty có hứa sau khi hoàn thành thủ tục giảng dạy các lớp công ty sẽ bồi dưỡng thêm phí đi lại cho giáo viên và ông L nhận lời. Các địa điểm ông L được công ty bố trí dạy tất cả 5 lớp, tổng số giờ dạy lý thuyết 560 giờ, thực hành 192 giờ.

Tổng cộng số tiền công của ông L được tính như sau:

- Lý thuyết: 45.000đồng/ tiết dạy x 560 giờ = 25.200.000đồng
- Thực hành: 35.000đồng/ tiết dạy x 192 giờ = 6.720.000đồng, tổng số tiền là 31.920.000đồng ông L đã tạm ứng của công ty số tiền 29.000.000đồng nên khấu trừ số tiền công ty còn nợ lại ông L là 2.920.000đồng chưa thanh toán. Sau khi kết thúc lớp học vào tháng 12/2017 công ty nhiều lần liên hệ với ông L để thanh toán số tiền công nhưng ông không đến để nhận và yêu cầu trả số tiền như ông yêu cầu nên các bên phát sinh tranh chấp.

Nay, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý mà chỉ thừa nhận còn nợ tiền lương của nguyên đơn ông L số tiền 2.920.000đồng chứ không phải là số tiền 132.940.000đồng như nguyên đơn yêu cầu nên đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của ông L.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 02/2020/LĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần B có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Lê Văn L tiền lương 31.920.000đồng và tiền hỗ trợ chi phí di chuyển 3.000.000đồng, tổng cộng: 34.920.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền ông L đã nhận 29.000.000đồng. Vì vậy, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại 5.920.000đồng.

Về thời gian và cách thức thanh toán số tiền trên được giải quyết tại Chi Cục Thi hành án dân sự theo thẩm quyền.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn ông Lê Văn L kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – Luật sư Trần Thanh P trình bày: Đề nghị xem lại bản án sơ thẩm, Công ty được Nhà nước thanh toán tiền cho ông Lê Văn L, đây là cơ sở quan trọng. Tòa sơ thẩm chưa thu thập được hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn nên đề nghị cần triệu tập thêm Sở Lao động Thương binh và Xã hội, luật sư xác định đây là yêu cầu kháng cáo bổ sung. Nên yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn cho rằng tiền dạy thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là 120.000đồng/giờ, thời gian dạy là 1.232 giờ, cũng như việc bị đơn thuê nguyên đơn giám sát công trình nhưng nguyên đơn không thể cung cấp chứng cứ chứng minh. Qua đối chiếu tại khoản 2 mục III Quyết định số

1956/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/11/2009 thì mức tiền công tối thiểu là 25.000đồng/giờ nhưng bị đơn trả cho nguyên đơn từ 35.000đồng/giờ đến 45.000đồng/giờ là có lợi cho nguyên đơn. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới bổ sung cho yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không chứng minh những vi phạm về thủ tục tố tụng hay nội dung của cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Lê Văn L khởi kiện đối với bị đơn Công ty cổ phần B yêu cầu thanh toán số tiền 161.840.000đồng nhưng bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp giữa người lao động và người sử dụng nên cấp sơ thẩm xác định đây tranh chấp lao động mà cụ thể là “*Tranh chấp tiền lương*” theo quy định tại Điều 90 của Bộ luật lao động năm 2012 là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty cổ phần B có trụ sở tại khu vực C, phường D, quận T, thành phố Cần Thơ. Do đó, Tòa án nhân dân quận T giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thu thập chứng cứ: Để làm cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản số 257/CV.TA ngày 20/7/2020 đề nghị Sở Lao động Thương binh xã hội thành phố Cần Thơ là cơ quan quản lý Nhà nước đối với các lớp đào tạo nghề tại địa phương và có ý kiến trả lời các vấn đề liên quan đến việc thuê Công ty cổ phần B mở các lớp dạy kỹ thuật xây dựng vào năm 2017 trong địa bàn thành phố Cần Thơ và cung cấp cho Tòa án hợp đồng thuê giáo viên giảng dạy ông Lê Văn L với công ty (nếu có).

Tuy nhiên, đến ngày 06/8/2020 Sở Lao động Thương binh Xã hội thành phố Cần Thơ có văn bản số 2345/SLĐTBXH – LĐ phúc đáp cho Tòa án với nội dung việc tổ chức quản lý đào tạo các lớp dạy nghề do công ty thực hiện đảm nhận để đào tạo, giảng dạy và lưu trữ tại cơ sở đào tạo theo quy định nên đề nghị Tòa án liên hệ với công ty để được cung cấp. Tuy nhiên, cho đến hiện nay bản chính Hợp

đồng lao động mà nguyên đơn cho rằng đã ký kết không thu thập được trong quá trình giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn cho đến nay cũng không cung cấp được tài liệu gì liên quan đến chứng cứ này, vì vậy hồ sơ căn cứ vào các tài liệu liên quan đến các giao dịch để đánh giá.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự đều thống nhất bị đơn có thỏa thuận thuê nguyên đơn ông Lê Văn L giảng dạy kỹ thuật xây dựng cho học viên là lao động nông thôn thuộc các quận, huyện thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ, thời gian đào tạo nghề bắt đầu từ tháng 4 kết thúc vào tháng 12/2017. Theo thỏa thuận các bên sẽ thanh toán tiền lương sau khi kết thúc giảng dạy nhưng không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp. Đến ngày 15/8/2020 nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp tiền lương, trợ cấp được Tòa án thụ lý giải quyết. Nguyên đơn thừa nhận biết quyền lợi của mình bị vi phạm từ tháng 11/2017 nhưng đến ngày 15/8/2019 mới có đơn khởi kiện là hết thời hạn khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu và ngày 13/4/2020 bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 2.920.000đồng chưa thanh toán nên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp này vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2020, nguyên đơn ông Lê Văn L kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng ông dạy thực tế là 1.232 giờ nhưng bị đơn chỉ trả tiền cho ông 752 giờ, việc ông dạy 5 lớp có địa phương xác nhận. Để xét kháng cáo của nguyên đơn cần đánh giá lại các chứng cứ tài liệu đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án

Hội đồng xét xử, thấy rằng:

[6] Nguyên đơn cho rằng trong thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017 các bên có ký kết hợp đồng lao động với nội dung thuê nguyên đơn giảng dạy các lớp nề xây dựng cho các học viên tại các phường, xã thuộc quận huyện trong địa bàn thành phố Cần Thơ với giá thỏa thuận mỗi giờ dạy được tính dạy lý thuyết 120.000đồng/giờ, tổng cộng số giờ là 1.232 giờ với số tiền 147.840.000đồng và tiền giám sát công trình cho bị đơn 14.100.000đồng khấu trừ số tiền 29.000.000đồng đã nhận nên số tiền còn lại bị đơn phải trả cho ông là 132.940.000đồng nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Còn bị đơn không thừa nhận đối với số tiền thuê ông dạy cũng như số giờ ông L đã dạy tại các lớp học, thuê giám sát thi công xây dựng và các bên cũng không ký kết hợp đồng lao động nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại các khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[7] Tuy nhiên, bị đơn cho rằng trong quá trình thuê nguyên đơn giảng dạy các lớp kỹ thuật xây dựng trong khoảng thời gian từ tháng 4 - 12/2017 và số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể như sau: Lý thuyết: 45.000đồng/ tiết dạy x 560 giờ = 25.200.000đồng; Thực hành: 35.000đồng/ tiết dạy x 192 giờ = 6.720.000đồng, tổng cộng 31.920.000đồng đã trả cho nguyên đơn số tiền 29.000.000đồng nên còn nợ số tiền 2.920.000đồng và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đồng, tổng cộng bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.920.000đồng.

[8] Xét thấy theo quy định của Nhà nước đối với mức tiền công giáo viên dạy nghề (trình độ kỹ sư) được thể hiện khoản 2 mục III tại Quyết định số 1956/QĐ - TTg phê duyệt đề án “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*” của Thủ tướng chính phủ ngày 27/11/2009 đang có hiệu lực thi hành thì tiền công mà bị đơn trả cho nguyên đơn cao hơn quy định là có lợi cho nguyên đơn và bị đơn cũng đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền lương giảng dạy là 31.920.000đồng, hỗ trợ thêm chi phí di chuyển số tiền 3.000.000đồng khấu trừ số tiền ông L đã nhận 29.000.000đồng còn lại số tiền 5.920.000 đồng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn cho rằng bị đơn phải cung cấp được hợp đồng và các chứng từ chứng minh. Xét thấy, như đã phân tích trên thì đây là quan hệ dân sự nên nguyên đơn khởi kiện thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh. Bên cạnh đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án triệu tập thêm Sở Lao động Thương binh và Xã hội tham gia tố tụng. Xét thấy, theo bút lục số 12- 125, Tòa án nhân dân quận T đã có Công văn hỏi Sở Lao động Thương binh và Xã hội và đã được trả lời bằng Công văn số 2345/SLĐTBXH ngày 06/8/2020 cho rằng: “*Công ty Cổ phần B là đơn vị doanh nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề, việc tổ chức và quản lý đào tạo các lớp dạy nghề do Công ty Cổ phần B thực hiện đảm nhận để đào tạo, giảng dạy và lưu trữ tại cơ sở đào tạo theo quy định, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị Tòa án liên hệ với bị đơn*”. Do đó, không cần thiết phải mời Sở Lao động Thương binh và Xã hội tham gia tố tụng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nại ra.

[10] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Những phần khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

[12] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không chứng minh những vi phạm về thủ tục tố tụng hay nội dung của cấp sơ thẩm nên không được chấp nhận.

[13] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn L.

2/ Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần B có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Lê Văn L tiền lương 31.920.000đồng và tiền hỗ trợ chi phí đi lại 3.000.000đồng, tổng cộng: 34.920.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền ông L đã nhận 29.000.000đồng. Vì vậy, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại 5.920.000đồng (Năm triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Về thời gian và cách thức thanh toán số tiền trên được giải quyết tại Chi Cục Thi hành án dân sự theo thẩm quyền.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4 /Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn L được miễn án phí lao động sơ thẩm và ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.323.500đồng (Ba

triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm đồng) mà ông đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 012033, ngày 26/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Bị đơn Công ty Cổ phần B phải nộp số tiền 1.596.000đồng (Một triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận T.

5/ Về án phí lao động phúc thẩm: Do thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông L không phải chịu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/01/2021)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân Q. T;
- Chi Cục THADS Q. T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trang